



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP HCM
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

THUẾ

Giảng viên: ThS. Nguyễn Lê Hồng Vỹ

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

1



Chương 7

CÁC SẮC THUẾ KHÁC

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

2



Các loại thuế khác

❖ Bao gồm các loại thuế sau:

1. Thuế môn bài
2. Thuế tài nguyên
3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
4. Thuế nhà đất
5. Thuế bảo vệ môi trường.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

3



7.1 Thuế môn bài

7.1.1 Khái niệm

- ✓ Là loại thuế theo mức thuế suất tuyệt đối.
- ✓ Là khoản thuế cố định mà các đơn vị kinh doanh phải nộp theo năm tài chính.
- ✓ Mục đích nhằm trang trải chi phí về quản lý hành chính của Nhà nước đối với các đơn vị kinh doanh.

7.1.2 Đối tượng nộp thuế

- ✓ Các tổ chức kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

4



7.1 Thuế môn bài

7.1.3 Mức thuế môn bài

❖ Đối với tổ chức kinh doanh:

Bậc thuế	Vốn đăng ký	Mức thuế môn bài cả năm (đồng)
Bậc 1	Trên 10 tỷ	3.000.000
Bậc 2	Từ 5 tỷ đến 10 tỷ	2.000.000
Bậc 3	Từ 2 tỷ đến dưới 5 tỷ	1.500.000
Bậc 4	Dưới 2 tỷ	1.000.000



7.1 Thuế môn bài

❖ Đối với tổ chức kinh doanh:

- ✓ Căn cứ xác định mức thuế môn bài là vốn đăng ký của năm trước năm tính thuế.
- ✓ Mỗi khi có thay đổi tăng hoặc giảm vốn đăng ký, cơ sở kinh doanh phải kê khai với cơ quan thuế trực tiếp quản lý để làm căn cứ xác định mức thuế môn bài của năm sau.
- ✓ Trường hợp vốn đăng ký bằng ngoại tệ thì quy đổi ra Việt Nam đồng theo tỷ giá do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm tính thuế.



7.1 Thuế môn bài

❖ Mức thuế môn bài đối với hộ kinh doanh cá thể

Bậc thuế	Thu nhập 1 tháng (đồng)	Mức thuế cả năm (đồng)
Bậc 1	Trên 1.500.000	1.000.000
Bậc 2	Trên 1.000.000 đến 1.500.000	750.000
Bậc 3	Trên 750.000 đến 1.000.000	500.000
Bậc 4	Trên 500.000 đến 750.000	300.000
Bậc 5	Trên 300.000 đến 500.000	100.000
Bậc 6	Từ 300.000 trở xuống	50.000

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

7



7.1 Thuế môn bài

7.1.4 Nộp thuế môn bài

- ✓ Cơ sở kinh doanh đang KD hoặc mới thành lập, được cấp đăng ký thuế và mã số thuế trong thời gian 6 tháng đầu năm thì nộp mức môn bài của cả năm, nếu thành lập, được cấp đăng ký thuế và MST trong thời gian 6 tháng cuối năm thì nộp 50% mức thuế môn bài cả năm.
- ✓ Cơ sở đang SXKD nộp thuế môn bài ngay trong tháng đầu của năm dương lịch; cơ sở mới ra KD nộp thuế môn bài ngay trong tháng được cấp đăng ký thuế và MST.
- ✓ Nếu không đăng ký thuế, khi bị phát hiện sẽ nộp thuế môn bài cho cả năm không phân biệt trên hay dưới 6 tháng.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

8



7.1 Thuế môn bài

7.1.5 Miễn, giảm thuế môn bài

- ✓ Tạm thời miễn thuế môn bài đối với: Hộ sản xuất muối; điểm bưu điện văn hóa xã; các loại báo (báo in, báo nói, báo hình) theo công văn số 237/CP-KTTH ngày 25/3/1998 của Chính phủ; tổ dịch vụ, cửa hàng của HTX hoạt động dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ SX nông nghiệp.
- ✓ Tạm thời giảm 50% mức thuế môn bài đối với: Hộ đánh bắt hải sản; các quỹ tín dụng nhân dân xã; các HTX chuyên kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp; các cửa hàng, quầy hàng, cửa hiệu của HTX và của Doanh nghiệp tư nhân KD tại địa bàn miền núi.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

9



7.2 Thuế tài nguyên

7.2.1 Khái niệm

- ✓ Là loại thuế đánh vào các tài nguyên khai thác được.

7.2.2 Đối tượng nộp thuế

- ✓ Mọi tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác tài nguyên.
- **Đối tượng chịu thuế:** Là tài nguyên thiên nhiên trong phạm vi chủ quyền của Việt Nam, bao gồm:
 - ✓ Khoáng sản kim loại đen (sắt, man gan...), kim loại màu;
 - ✓ Khoáng sản không kim loại: đất, cát, sỏi, than, đá quý, nước khoáng, nước nóng thiên nhiên...;

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

10



7.2 Thuế tài nguyên

7.2.2 Đối tượng chịu thuế

- ✓ Dầu mỏ, khí đốt;
- ✓ Sản phẩm của rừng tự nhiên như gỗ, tre, nứa, giang, các loại dược liệu và các loại động thực vật...;
- ✓ Thủy sản tự nhiên: gồm các loại động vật, thực vật tự nhiên ở biển, sông, suối, ao, hồ đầm...;
- ✓ Nước thiên nhiên: gồm nước mặt, nước dưới lòng đất (trừ nước nóng, nước khoáng thiên nhiên thuộc khoáng sản phi kim loại);
- ✓ Tài nguyên thiên nhiên khác.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

11



7.2 Thuế tài nguyên

7.2.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

Thuế tài nguyên phải nộp	=	Sản lượng tài nguyên thương phẩm thực tế khai thác	X	Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	X	Thuế suất	-	Số thuế tài nguyên được miễn giảm
---------------------------------	---	--	----------	---------------------------------	----------	-----------	---	-----------------------------------

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

12



7.2 Thuế tài nguyên

7.2.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

- ✓ **Sản lượng tài nguyên thương phẩm thực tế khai thác:** Là số lượng, trọng lượng hay khối lượng của tài nguyên khai thác thực tế trong kỳ nộp thuế. Trường hợp khai thác thủ công, phân tán, cơ quan thuế phối hợp với chính quyền địa phương để nộp thuế khoán.
- ✓ **Giá tính thuế đơn vị tài nguyên:** Là giá bán trừ các chi phí vận chuyển, bốc xếp, nếu đưa vào sản xuất tiếp thì giá do UBND tỉnh, thành phố quy định.
- ✓ **Thuế suất:** Theo biểu thuế ban hành (trang 431 – 433).

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

13



7.2 Thuế tài nguyên

7.2.4 Đăng ký, kê khai, nộp thuế tài nguyên

- **Đăng ký:** Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được phép khai thác tài nguyên hoặc chậm nhất là 5 ngày trước khi có sự sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản.
- **Kê khai:** Hằng tháng trong thời hạn chậm nhất là ngày 20 của tháng sau (kể cả tháng trước không có phát sinh).
- **Nộp thuế:** cũng là thời hạn nộp tờ khai thuế tài nguyên (chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng sau).
- ✓ Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác thủ công, phân tán, không thường xuyên thì nộp thuế theo phương thức khoán.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

14



7.2 Thuế tài nguyên

7.2.5 Miễn, giảm thuế tài nguyên

- ✓ Dự án thuộc đối tượng ưu đãi đầu tư được giảm tối đa 50% thuế tài nguyên trong 3 năm đầu (trừ dầu khí).
- ✓ Khai thác thủy sản xa bờ bằng phương tiện có công suất lớn được miễn 5 năm đầu và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo.
- ✓ Nếu gặp tổn thất do thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ thì được miễn thuế cho số tài nguyên đã tổn thất.
- ✓ Miễn thuế đối với sản phẩm rừng tự nhiên do dân cư được phép khai thác như củi, tre, nứa, tranh, vầu, lồ ô...; nước thiên nhiên SX thủy điện không hòa vào mạng lưới điện quốc gia; đất khai thác để sử dụng san lấp, XD công trình.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

15



7.3 Thuế sử dụng đất nông nghiệp

7.2.1 Khái niệm: Là loại thuế thu hàng năm đối với các đối tượng sử dụng đất để SX nông nghiệp, trồng rừng hoặc sử dụng đất có mặt nước để nuôi trồng thủy sản.

7.2.2 Đối tượng nộp thuế: Mọi tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp (trừ thuê đất). Hộ được giao đất nông nghiệp mà không sử dụng vẫn phải nộp thuế.

- **Đối tượng chịu thuế:** Đất trồng trọt, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản, đất trồng rừng.
- **Đối tượng không chịu thuế:** Đất có rừng tự nhiên, đất đồng cỏ tự nhiên, đất dùng để ở, đất chuyên dùng.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

16



7.3 Thuế sử dụng đất nông nghiệp

7.3.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

Thuế sử dụng đất nông nghiệp	=	Diện tích (ha)	X	Định suất thuế (kg thóc/ha)	X	Giá thóc (đồng/kg)
-------------------------------------	----------	-----------------------	----------	------------------------------------	----------	---------------------------

- ✓ **Diện tích đất (ha):** ghi trên sổ địa chính đất nông nghiệp.
- ✓ **Định suất thuế:** tùy từng hạng đất (dựa trên chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện thời tiết, khí hậu, điều kiện tưới tiêu).
- ✓ **Giá thóc:** Giá thóc là giá thực tế của vụ mùa năm trước.
- ✓ **Đối với đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần thì:**
Thuế sử dụng đất NN (năm) = 4% x Giá trị sản lượng

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

17



7.3 Thuế sử dụng đất nông nghiệp

Hạng đất	Định suất thuế (kg thóc/ ha)	
	Đất trồng cây hằng năm	Đất trồng cây lâu năm
1	550	650
2	460	550
3	370	400
4	280	200
5	180	80
6	50	

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

18



7.3 Thuế sử dụng đất nông nghiệp

7.3.4 kê khai thuế, nộp thuế

- **Kê khai:** Theo mẫu của cơ quan thuế và gửi bản kê khai đến UBND xã, phường, thị trấn đúng thời gian quy định.
- ✓ Căn cứ để thu thuế là số thuế được duyệt.
- **Nộp thuế:** Nộp thuế mỗi năm từ 1 đến 2 lần theo vụ thu hoạch chính của từng loại cây trồng.
- ✓ Thời gian nộp thuế do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định.
- ✓ Thuế sử dụng đất nông nghiệp tính bằng thóc, thu bằng tiền (giá thóc quy định không thấp hơn 10% so với thị trường)

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

19



7.3 Thuế sử dụng đất nông nghiệp

7.3.5 Miễn, giảm thuế

- **Hạn mức đất SX nông nghiệp:** Là diện tích đất giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp ổn định lâu dài vào mục đích SX nông nghiệp, làm muối.
- **Đối tượng miễn giảm thuế gồm:**
 - ✓ Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích phục vụ nghiên cứu, SX thử nghiệm; làm muối, trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm.
 - ✓ Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

20



7.3 Thuế sử dụng đất nông nghiệp

7.3.5 Miễn, giảm thuế

- ✓ Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích đất nông nghiệp **trong hạn mức** giao đất cho hộ gia đình, cá nhân nông dân, xã viên HTX sản xuất nông nghiệp
- ✓ Giảm 50% thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.
- ✓ Giảm 50% số thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho đơn vị vũ trang nhân dân quản lý sử dụng.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

21



7.4 Thuế nhà đất

7.4.1 Khái niệm: Thuế nhà đất là loại thuế đánh vào việc sử dụng đất cho mục đích phi sản xuất nông nghiệp.

7.4.2 Đối tượng nộp thuế: Mọi tổ chức, gia đình, cá nhân có quyền sử dụng hoặc trực tiếp sử dụng đất ở hoặc XD.

▪ **Đối tượng chịu thuế:**

Là đất ở, đất xây dựng công trình không phân biệt đất có giấy phép hay chưa có giấy phép sử dụng.

▪ **Đối tượng không chịu thuế:**

Đất dùng vào mục đích công cộng, phúc lợi xã hội, từ thiện; đất dùng vào thờ cúng chung của các tôn giáo..

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

22



7.4 Thuế nhà đất

7.4.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

a. Đối với đất đô thị

Thuế nhà đất	=	Diện tích đất	X	Bậc thuế theo vị trí đất	X	Mức thuế sử dụng đất nông nghiệp
---------------------	----------	----------------------	----------	---------------------------------	----------	---

- ✓ Diện tích đất (m²): của tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng.
- ✓ Bậc thuế theo vị trí đất: Là số lần mức thuế sử dụng đất nông nghiệp theo bảng phân bổ bên dưới.
- ✓ Mức thuế sử dụng đất nông nghiệp: Là mức thuế sử dụng đất nông nghiệp cao nhất trong vùng.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

23



7.4 Thuế nhà đất

Bậc thuế đất đô thị theo vị trí đất

Loại đô thị	Loại đường phố	Bậc thuế theo vị trí đất (số lần mức thuế sử dụng đất nông nghiệp)			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
Loại I	1	32	28	23	17
	2	30	26	21	14
	3	27	23	18	12
	4	25	21	16	9
Loại II	1	30	26	21	14
	2	27	23	18	12
	3	25	21	16	9
	4	22	18	13	8
Loại III	1	26	22	17	11
	2	25	21	16	10
	3	23	19	14	8
	4	21	17	12	7
Loại IV	1	19	17	13	8
	2	18	16	11	7
	3	17	14	9	6
	4	14	11	7	5
Loại V	1	13	11	9	7
	2	12	10	8	6
	3	11	8	7	5
Thị trấn	1	13	11	8	5
	2	11	8	5	3

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

24



7.4 Thuế nhà đất

7.4.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

▪ Ví dụ 7.1: Đối với đất đô thị

Tính thuế nhà đất một căn nhà 90 m² nằm ở đô thị loại 2, đường phố loại 3, vị trí 1. Biết hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp cao nhất trong vùng là 550 kg thóc/ha (giá thóc 4.000 đồng/kg).

- ✓ Tra bảng trên ta có bậc thuế theo vị trí đất: **25**
- ✓ Định suất thuế: 550 kg/1 ha = (550/10.000) kg/1 m²
- Thuế nhà đất phải nộp là:
 $90 \text{ m}^2 \times 25 \times (550/10.000) \times 4.000 = \mathbf{495.000 \text{ đồng.}}$

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

25



7.4 Thuế nhà đất

7.4.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

b. Đối với đất ở, đất XD công trình vùng ven đô thị, ven đầu mỗi giao thông, ven trục giao thông chính

- ✓ Vùng ven của đô thị loại I, mức thuế đất bằng 2,5 lần mức thuế sử dụng đất NN của hạng đất cao nhất trong xã.
- ✓ Vùng ven đô thị loại II, III, IV và V, mức thuế đất bằng 2 lần mức thuế sử dụng đất nông nghiệp của hạng đất cao nhất trong thôn, ấp. Ven đầu mỗi giao thông, trục đường giao thông chính, đất khu thương mại, khu du lịch không nằm trong đô thị, mức thuế đất bằng 1,5 lần mức thuế sử dụng đất nông nghiệp của hạng đất cao nhất trong vùng.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

26



7.4 Thuế nhà đất

7.4.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

c. Đối với đất ở, đất XD công trình thuộc nông thôn

- ✓ Đối với đất ở, đất XD công trình thuộc vùng nông thôn, đồng bằng, trung du, miền núi, mức thuế đất bằng 1 lần mức thuế sử dụng đất nông nghiệp ghi thu bình quân trong xã.

d. Đối với nhà nhiều tầng và khu tập thể nhiều tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng

- ✓ Từ tầng 5 (lầu 4) trở lên không phải nộp thuế đất.
- ✓ Từ tầng 4 (lầu 3) trở xuống, việc phân bổ phần diện tích đất sử dụng chung được xác định như sau:

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

27



7.4 Thuế nhà đất

7.4.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

d. Đối với nhà nhiều tầng và khu tập thể do nhiều tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng

Nhà	Hệ số phân bổ cho các tầng			
	Tầng 1 (trệt)	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4
1 tầng	1			
2 tầng	0,7	0,3		
3 tầng	0,7	0,2	0,1	
4 tầng	0,7	0,2	0,07	0,03

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

28



7.4 Thuế nhà đất

7.4.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

d. Đối với nhà nhiều tầng và khu tập thể do nhiều tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng

Thuế nhà đất	=	Diện tích đất	X	Bậc thuế theo vị trí đất	X	Mức thuế sử dụng đất nông nghiệp	X	Hệ số phân bổ theo tầng
--------------	---	---------------	---	--------------------------	---	----------------------------------	---	-------------------------

✓ Từ tầng 4 (lầu 3) trở xuống mới phân bổ thuế đất cho các tầng, còn từ tầng 5 trở đi thì không phải nộp thuế đất.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

29



7.4 Thuế nhà đất

7.4.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

▪ Ví dụ 7.2: Phân bổ thuế đất đối với nhà nhiều tầng

Tính thuế nhà đất một căn hộ 90 m² tại tầng 2 tại chung cư 3 tầng nằm ở đô thị loại 2, đường phố loại 3, vị trí 1. Hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp cao nhất trong vùng là 550 kg thóc/ha, giá thóc 4.000 đồng/kg.

✓ Định suất thuế: (550/10.000) kg/1 m². Bậc thuế theo vị trí đất: **25**. Hệ số phân bổ theo tầng: **0,2**

➤ Thuế nhà đất phải nộp cho căn hộ tại tầng 2 này là:

$$90 \text{ m}^2 \times 25 \times (550/10.000) \times 4.000 \times 0,2 = \mathbf{99.000 \text{ đồng.}}$$

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

30



7.4 Thuế nhà đất

7.4.4 kê khai, nộp thuế, miễn giảm thuế

❖ **Kê khai, nộp thuế:** Tổ chức, cá nhân kê và nộp thuế theo quy định (theo hướng dẫn của cơ quan thuế).

❖ **Miễn giảm thuế:** Tạm miễn thuế đối với các trường hợp:

- ✓ Xây dựng trụ sở cơ quan hành chính sự nghiệp Nhà nước.
- ✓ Hộ dân cư tại các xã đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, vùng định canh, định cư của đồng bào dân tộc thiểu số.
- ✓ Đồng bào XD vùng kinh tế mới được miễn thuế 5 năm.
- ✓ Gia đình thương binh hạng 1/4, hạng 2/4; gia đình liệt sĩ.
- ✓ Xét giảm thuế, miễn thuế đất ở cho các đối tượng nộp thuế có khó khăn về kinh tế do bị thiên tai, tai nạn bất ngờ.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

31



7.5 Thuế bảo vệ môi trường

7.5.1 Khái niệm: Là loại thuế gián thu, thu vào sản phẩm, hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường.

7.5.2 Đối tượng nộp thuế: Mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế.

7.5.3 Đối tượng chịu thuế:

1. Xăng, dầu, mỡ nhờn các loại (trừ etanol)
2. Than đá các loại
3. Dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC).
4. Túi ni lông thuộc diện chịu thuế.
5. Thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

32



7.5 Thuế bảo vệ môi trường

7.5.3 Đối tượng chịu thuế (tt):

6. Thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng
7. Thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng
8. Thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng

7.5.4 Đối tượng không chịu thuế:

- ✓ Là các hàng hóa không thuộc diện trên.
- ✓ Nếu là các hàng hóa thì phải là hàng hóa do cơ sở sản xuất trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác cho cơ sở khác xuất khẩu; hoặc hàng hóa vận chuyển quá cảnh, chuyển khẩu, hàng hóa tạm nhập, tái xuất.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

33



7.5 Thuế bảo vệ môi trường

7.5.5 Căn cứ và phương pháp tính thuế

Mức thuế bảo vệ môi trường phải nộp	=	Số lượng đơn vị hàng hóa	X	Mức thuế suất tuyệt đối trên một đơn vị HH
--	----------	---	----------	---

- Mức **thuế suất tuyệt đối** quy định tại Điều 8 Luật thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010.
- Ví dụ về mức thuế suất bảo vệ môi trường:
 - ✓ Xăng: 1.000 – 4.000 đ/lít; dầu: 300 – 2.000 đ/lít.
 - ✓ Than đá (than nâu, than mỡ): 10.000 – 30.000 đ/tấn.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

34



7.5 Thuế bảo vệ môi trường

7.5.6 kê khai, nộp thuế, hoàn thuế

❖ Kê khai, nộp thuế:

1. Việc khai thuế, tính thuế, nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa SX bán ra, trao đổi, tiêu dùng nội bộ, tặng cho được thực hiện theo tháng và theo quy định của pháp luật.
2. Việc khai thuế, tính thuế, nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu được thực hiện cùng thời điểm với khai thuế và nộp thuế nhập khẩu.
3. Thuế bảo vệ môi trường chỉ nộp một lần đối với hàng hoá sản xuất hoặc nhập khẩu.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

35



7.5 Thuế bảo vệ môi trường

7.5.6 Kê khai, nộp thuế, hoàn thuế (tt)

❖ Hoàn thuế: Hoàn thuế đã nộp trong các trường hợp sau:

- ✓ Hàng hóa nhập khẩu còn lưu kho tại cửa khẩu được tái xuất khẩu; hàng hóa nhập khẩu để giao, bán cho nước ngoài thông qua đại lý tại VN; xăng dầu bán cho phương tiện vận tải nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế.
- ✓ Hàng hóa tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu theo phương thức kinh doanh hàng tạm nhập, tái xuất; Hàng hóa tạm nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm theo quy định của pháp luật tái xuất khẩu.

10 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

36